

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 24/2019/HNGĐ - ST

Ngày 15 tháng 11 năm 2019

V/v: “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình,
ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Huyền và bà Bùi Thị Ngọc

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân tham gia phiên tòa:

Ông Vũ Văn Hùng - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 99/2019/TLST- HNGĐ ngày 20/7/2019 về việc: “*Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07/10/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2019/QĐST- HNGĐ ngày 30/10/2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Lang Thị D, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Thôn SM, xã LT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa (*có mặt*)

+ Bị đơn: Anh Trịnh Đình C, sinh năm: 1981

Địa chỉ: Thôn SM, xã LT, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lang Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lang Thị D và anh Trịnh Đình C chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, vào ngày 11 tháng 9 năm 2001 và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LT, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá. Quá trình chung sống vợ, chồng sống hoà thuận hạnh phúc được 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh C ham chơi cờ bạc không lo cho gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau, anh C dùng vũ lực và hay ghen tuông vô cớ, chửi bới, đánh đập chị D, chị D không thể chịu đựng được nên đã đi xuất khẩu lao động từ tháng 3 năm 2017, trong khoảng thời gian chị D đi xuất khẩu lao động anh C có gọi điện xin lỗi chị D, hứa sẽ thay đổi tính ham chơi cờ bạc và bạo lực của mình nên đến tháng 3 năm 2018 thì chị D về tiếp tục sống cùng anh C nhưng anh C vẫn không

thay đổi tính cách của mình mà vẫn hành hung bạo lực hơn, có ai gọi điện thoại đến cho chị anh C lại ghen rồi đánh chị. Chị D phải về ở với bố mẹ đẻ, thỉnh thoảng về thăm con. Vợ chồng ly thân nhau từ tháng 7/2018 đến nay, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 02(hai) con chung là Trịnh Thị D, sinh ngày 11/8/2002 và cháu Trịnh Đình Nhất N, sinh ngày 31/5/2011. Vợ chồng ly hôn chị D cháu Trịnh Thị D đã lập gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn Trịnh Đình Nhất N hiện đang ở với anh Trịnh Đình C nên chị D đề cho anh C nuôi cháu, chị D tự nguyện cấp dưỡng hàng tháng số tiền là 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2019 đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Tại các bản tự khai; quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trịnh Đình C trình bày:

Về hôn nhân: Anh Trịnh Đình C đồng ý với phần trình bày của chị Lang Thị D về phần kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đầu, thời gian gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do điều kiện kinh tế gặp nhiều khó khăn, tính tình không hợp vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau, trong cuộc sống thường bất đồng quan điểm, chị D đi làm ăn xa về, không quan tâm đến chồng con. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, chị D làm đơn xin ly hôn anh, anh C đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nuôi con ăn học, nếu chị D cương quyết ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02(hai) con chung là Trịnh Thị D, sinh ngày 11/8/2002 và cháu Trịnh Đình Nhất N, sinh ngày 31/5/2011. Khi ly hôn cháu D đã lập gia đình anh Trịnh Đình C không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn Trịnh Đình Nhất N hiện đang ở với anh C nên anh xin được nuôi cháu N và yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản; công nợ: Nguyên đơn chị Lang Thị D và bị đơn anh Trịnh Đình C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân phát biểu quan điểm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ ngày thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng theo luật định.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lang Thị D được ly hôn với anh Trịnh Đình C.

Về con chung: Vợ chồng có 02(hai) con chung là Trịnh Thị D, sinh ngày 11/8/2002 và cháu Trịnh Đình Nhất N, sinh ngày 31/5/2011. Vợ chồng ly hôn cháu D đã lập gia đình, chị D, anh Trịnh Đình C không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn Trịnh Đình Nhất N hiện đang ở với anh C, anh C cũng có nguyện vọng được

nuôi cháu N. Mặt khác nguyện vọng của cháu N là được sống cùng bố, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 81, 82, 83 giao cháu Nam cho anh C nuôi dưỡng, chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng số tiền 1.000.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi là phù hợp quy định của pháp luật.

Về tài sản; công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Lang Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình, trường hợp vắng mặt anh Trịnh Đình C tại phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ, các giấy tờ tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các Quyết định hoãn phiên tòa cho anh C, nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án xét thấy việc anh C vắng mặt tại phiên tòa thuộc trường hợp bị đơn cố tình vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án nên căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Ngày 30/9/2019 chị Lang Thị D có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1].*Về thủ tục tố tụng*: Chị Lang Thị D có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân xin ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Trịnh Đình C. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

[2].*Về hôn nhân*: Chị Lang Thị D và anh Trịnh Đình C, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đủ cơ sở xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Xét nguyện vọng xin ly hôn của chị D là có cơ sở, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị D và anh C đã kéo dài nguyên nhân là do tính tình không hợp, anh C hay chửi bới, đánh đập chị D, anh còn ham chơi không quan tâm đến vợ con, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống. Tại biên bản hòa giải ngày 04/9/2019 anh C cũng xác định anh và chị D có mâu thuẫn dẫn đến chị D làm đơn xin ly hôn. Hai bên gia đình nội, ngoại đã khuyên giải nhưng không có kết quả, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng vợ chồng vẫn không thể quay lại đoàn tụ được với nhau. Tòa án đã xác minh với chính quyền địa phương ngày 27 tháng 9 năm 2019 thể hiện: Anh Trịnh Đình C hiện nay vẫn có mặt tại địa phương anh C đang đi lái xe thuê, anh vẫn thường xuyên về nhà. Ngày 28/8/2019 chị D đã cung cấp cho Tòa án tình trạng mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống. Như vậy xác định mâu thuẫn giữa chị D và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng thể hiện việc chị D và anh C đã sống ly thân từ tháng 7/2018 đến nay, trong thời gian ly thân không ai còn quan tâm, hàn gắn, hạnh phúc gia đình, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Ngày 30/9/2019 chị D có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

[3].*Về con chung*: Vợ chồng có 02(hai) con chung là Trịnh Thị D, sinh ngày 11/8/2002 và cháu Trịnh Đình Nhất N, sinh ngày 31/5/2011. Cháu D đã lập

gia đình nên cả chị D và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét nguyện vọng xin nuôi con của anh Trịnh Đình C Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyện vọng xin nuôi con của anh C là hoàn toàn chính đáng. Hiện tại cháu Trịnh Đình Nhất N đang ở với anh C, cháu đang học lớp 3 trường Tiểu học xã Luận Thành nơi anh C sinh sống, chị D cũng đồng ý giao cháu N cho anh C nuôi. Mặt khác cháu N có nguyện vọng được ở với anh C. Xét yêu cầu của anh C là hoàn toàn phù hợp. Vì vậy căn cứ Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật HN&GD, giao cháu N cho Trịnh Đình C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền 1.000.000 đồng là phù hợp, chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4]. *Về tài sản; công nợ* : Chị Lang Thị D và anh Trịnh Đình C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp anh Trịnh Đình C vắng mặt không có lý do tại phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt, các loại giấy tờ tố tụng theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh C là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. *Về án phí*: Chị Lang Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điểm a Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định “*Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lang Thị D

Về hôn nhân: Chị Lang Thị D được ly hôn anh Trịnh Đình C

Về con chung: Giao cháu Trịnh Đình Nhất N, sinh ngày 31/5/2011 cho anh Trịnh Đình C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng số tiền 1.000.000đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2019 đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Về tài sản; công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lang Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai số 0004933 ngày 22/7/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, chị D đã nộp đủ án phí.

Buộc chị Lang Thị D phải nộp 300.000 đồng tiền án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tại Chi cục thi hành án huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Quyền kháng cáo: Chị Lang Thị D được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/11/2019). Anh Trịnh Đình C được quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thường Xuân;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADSH.Thường Xuân;
- Dương sự;
- UBND Luận Thành;
- Lưu HSVA.

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Tâm